

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức kinh tế-kỹ thuật trong công tác quản lý,
khai thác công trình thủy lợi của Công ty TNHH MTV khai thác công
trình thủy lợi Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 156/TTr-SNN ngày 25 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện định mức này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2492/QĐ- UBND ngày 10/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi do Công ty Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình quản lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM, NNTN (BD10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Công Sứ

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT TRONG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI HÒA BÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình*

I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

- Định mức lao động tổng hợp tính toàn bộ cho sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 3,487 công /ha quy đổi tưới tiêu chủ động cho lúa trong 1 vụ.

- Phân bổ định mức lao động cho các loại sản phẩm dịch vụ thủy lợi:

+ Định mức lao động phân bổ cho sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 3,372 công /ha quy đổi tưới tiêu chủ động cho lúa trong 1 vụ.

+ Định mức lao động phân bổ cho sản phẩm cho thuê mặt nước nuôi cá lồng hồ: 8,27 công/ha mặt hồ 1 năm.

+ Định mức lao động phân bổ cho sản phẩm cấp nước thô cho sinh hoạt, công nghiệp: 2,86 công/1000m³ nước thô cấp trực tiếp từ công trình cho các hộ sử dụng.

- Định mức lao động phân bổ cho sản phẩm cấp nước cho phát điện: 0,16 công /1000Kwh.

- Bảng hệ số quy đổi sản phẩm dịch vụ thủy lợi:

LuatVietnam

Loại cây trồng, hình thức tưới, biện pháp tưới	Đơn vị sản phẩm	Hệ số quy đổi
Tưới tiêu động lực, trọng lực và kết hợp		
Tưới, tiêu chủ động cho lúa	ha/vụ	1
Tưới, tiêu chủ động cho màu, mạ, cây vụ đông, cây công nghiệp ngắn ngày	ha/vụ	0,4
Tưới tiêu chủ động cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả	Ha/năm	0,8
Tiêu thoát nước nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha/năm	0,05
Cấp nước nuôi trồng thủy sản	ha/năm	1,973

2. Định mức Chi phí bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi để thực hiện Chi phí tham gia quản lý vận hành công trình, thuê khoán người dân địa phương:

Định mức tối đa bằng 0,20 mức lương cơ sở /1 tháng - 1 đầu mỗi công trình phân cấp cho Công ty quản lý theo Quyết định phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

3. Định mức chi phí công tác bảo hộ, an toàn lao động

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	Quần áo lao động phổ thông	bộ/lao động-năm	2
2	Mũ, nón lá chống mưa nắng	Chiếc/lao động-năm	1
	Hoặc mũ nhựa cứng	Chiếc/lao động-năm	0,33
3	Găng tay bảo hộ	Đôi/ lao động-năm	2
4	Giày vải	Đôi/ lao động-năm	1
7	Áo mưa	bộ/lao động-năm	0,5
8	Ủng cao su	Đôi/ lao động-năm	0,5
9	Khác (xà phòng, bút điện, vít điện, kìm điện, ủng cách điện, găng tay cách điện...)	%	10%

Đối tượng lao động được trang bị bảo hộ phải đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-LĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

4. Định mức sử dụng nước cho cây trồng ứng với tần suất tổng lượng mưa vụ P = 75%

Trạm khí tượng	Vùng tưới	Định mức sử dụng nước (m ³ /ha)				
		Vụ Chiêm xuân		Vụ Mùa		Vụ Đông
		Lúa	Màu	Lúa	Màu	
Hòa Bình	Khu tưới thuộc TP Hòa Bình, Cao Phong, Đà Bắc, Lương Sơn	6790	2104	3928	1118	1605
Mai Châu	Khu tưới thuộc huyện Mai Châu và Tân Lạc	6566	2297	3323	1207	1880
Kim Bôi	Khu tưới thuộc huyện Kim Bôi và Lạc Thủy	6253	1625	3593	1236	1675

Lạc Sơn	Khu tưới thuộc huyện Lạc Sơn và Yên Thủy	6010	1978	3961	1036	1350
---------	--	------	------	------	------	------

- Định mức trên ứng với tổng lượng mưa vụ tần suất 75%

Trạm quan trắc quốc gia	Vụ Chiêm xuân	Vụ Mùa	Vụ Đông
Hòa Bình (mm/vụ)	286,00	955,18	121,02
Mai Châu (mm/vụ)	300,34	1031,92	87,21
Kim Bôi (mm/vụ)	373,60	1117,25	150,40
Lạc Sơn (mm/vụ)	422,60	1126,43	145,33

5. Định mức tiêu hao điện năng cho bơm tưới (kWh/ha-vụ, tần suất 75%)

Trạm bơm điện	Vụ chiêm xuân (Kwh/ha)		Vụ mùa (Kwh/ha)		Vụ đông (Kwh/ha)
	Lúa	màu	Lúa	Màu	
Chi nhánh thành phố 1					
Dân Chủ	405,83	125,76	234,76	76,37	95,93
Chi nhánh Mai Châu					
Xóm Lầu - Mai Hạ	392,48	137,29	198,62	82,46	102,21
Xóm Chiềng	392,48	137,29	198,62	82,46	102,21
Xóm Tiên Phong	392,48	137,29	198,62	82,46	102,21
Xóm Đồng Ưông- Mai Hạ	392,48	137,29	198,62	82,46	102,21
Bình quân toàn công ty	397,61	132,86	212,52	80,12	99,80

Giá trị định mức áp dụng lập kế hoạch và xây dựng phương án giá trong điều kiện thời tiết bình thường. Khi có sự sai khác giữa kế hoạch với thực tế sẽ căn cứ vào hệ số điều chỉnh dưới đây để nghiệm thu, quyết toán chi phí điện bơm tưới

- Hệ số điều chỉnh định mức điện tưới

Lượng mưa (mm)	Vụ Chiêm Xuân											
	100	120	150	180	200	230	250	286	350	450	500	550
K _{ĐC}	1,27	1,22	1,15	1,10	1,08	1,05	1,03	1,00	0,95	0,87	0,79	0,72

Lượng	Vụ Mùa
-------	--------

mưa (mm)	700	730	750	800	850	900	950	955	1100	1200	1300	1400
K _{ĐC}	1,25	1,21	1,19	1,13	1,09	1,05	1,01	1,00	0,96	0,91	0,84	0,74

Lượng mưa (mm)	Vụ Đông										
	50	100	121	150	170	200	250	300	350	400	
K _{ĐC}	1,09	1,02	1,00	0,93	0,88	0,81	0,68	0,54	0,41	0,28	

6. Định mức điện bơm tiêu tần suất tổng lượng mưa vụ P = 25%

Chi nhánh / Trạm bơm	Nông nghiệp (kWh/ha)	Nông thôn, đô thị Định mức (kWh/ha)
Chi nhánh Thành phố 1		
Trạm bơm Quỳnh Lâm	66,32	66,32
Chi nhánh Thành phố 2		
Trạm bơm tiêu Mom	33,16	
Trạm bơm tiêu Ngòi Mạ	33,16	
Trạm bơm tiêu Rạch Mới	33,16	
Chi nhánh Lương Sơn		
Trạm bơm tiêu Gò Mu	37,34	45,10
Trạm bơm tiêu Xuân Him	32,58	
Trạm bơm tiêu Xuân Dương	159,55	
Bình quân toàn Công ty	45,39	62,92

- Hệ số điều chỉnh (K_{ĐC}) định mức điện bơm tiêu vụ Mùa

Lượng mưa (mm)	900	1000	1100	1200	1300	1400	1419	1500	1600	1700	1800	1900
K _{ĐC}	0,64	0,66	0,70	0,78	0,87	0,98	1,00	1,11	1,24	1,38	1,51	1,64

7. Định mức chi phí nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị

a) Định mức tiêu hao vật tư hàng năm của Công ty Hòa Bình tính theo tổng khối lượng tiêu hao vật tư hàng năm của các Chi nhánh

TT	Chi nhánh	Dầu nhờn (lít/năm)	Mỡ các loại (Kg/năm)	Dầu Diesel (lít/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Sợi Paxitup (kg/năm)	Sơn chống rỉ (kg/năm)
----	-----------	--------------------	----------------------	----------------------	------------------	----------------------	-----------------------

TT	Chi nhánh	Dầu nhờn (lit/năm)	Mỡ các loại (Kg/năm)	Dầu Diezel (lít/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Sợi Paxitup (kg/năm)	Sơn chống rỉ (kg/năm)
1	Thành phố 1	44,50	54,56	70,60	82,10	1,65	29,40
2	Thành phố 2	65,82	61,82	125,08	144,14	0,37	51,03
3	Kim Bôi	12,80	10,28	23,80	25,60		10,65
4	Lương Sơn	59,68	55,43	104,93	118,10	0,77	44,80
5	Lạc Thủy	28,90	22,46	51,80	59,00		23,37
6	Mai Châu	72,56	83,44	100,08	94,54	3,87	35,85
7	Tân Lạc	22,00	20,48	48,00	44,60		20,10
8	Cao Phong	42,08	36,14	78,40	87,60	-	34,20
9	Yên Thủy	46,30	37,58	87,20	93,80	-	38,67
10	Đà Bắc	36,00	32,32	76,00	72,00	-	32,40
11	Lạc Sơn	53,46	48,22	101,60	119,80	-	42,60
Cộng vật tư chính (VTC)		484,10	462,73	867,49	941,28	6,66	363,07
Vật tư phụ (5% VTC)		5%	5%	5%	5%	5%	5%

b) Định mức vật tư tính theo ha diện tích quy đổi tưới, tiêu chủ động cho lúa bình quân toàn công ty

Chi nhánh	Dầu nhờn (lit/ha)	Mỡ các loại (Kg/ha)	Dầu Diezel (lít/ha)	Giẻ lau (kg/ha)	Sợi Paxitup (kg/ha)	Sơn chống rỉ (kg/năm)
Định mức Vật tư (VTC)	0,0250	0,0239	0,0447	0,0485	0,0003	0,0187
Vật tư phụ (5% VTC)	5%	5%	5%	5%	5%	5%

8. Định mức bảo trì hàng năm tài sản cố định (quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT).

Định mức bảo trì hàng năm tài sản cố định bằng 26,00% tổng chi phí cho các hoạt động sản xuất cung ứng các loại sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

9. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp

- Tính theo tổng chi phí là: 12,71% tổng chi phí cho hoạt động hoặc giá tổng doanh thu của Công ty Hòa Bình.

- Tính theo tổng quỹ tiền lương kế hoạch: 19,50% tổng quỹ tiền lương kế hoạch chi trả cho người lao động và người quản lý của Công ty.

II. HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ĐỊNH MỨC

1. Định mức trên ứng với tưới tiêu chủ động bằng trọng lực. Đối với một số diện tích tưới động lực hoặc kết hợp động lực và trọng lực sẽ được cộng thêm chi phí tiền điện bơm tưới, tiêu trong một vụ để tính giá đối với trường hợp tưới động lực.

2. Đối với định mức lao động, các lao động định biên gồm khối văn phòng công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh và các cụm trường, cụm phó (kiêm nhiệm); các công nhân vận hành hồ, đập và trạm bơm điện... phải được bố trí bảo đảm trình độ quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP về Quy định một số điều chi tiết của Luật Thủy lợi.

3. Các Định mức đề xuất ban hành ở trên chưa tính tới các mục chi không thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP bao gồm:

- a) Chi phí khấu hao.
- b) Chi phí quan trắc không thường xuyên (thuộc khoản chi phí Bảo trì).
- c) Chi phí kiểm định chất lượng công trình (thuộc khoản chi phí Bảo trì).
- d) Chi phí sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn (thuộc khoản chi phí Bảo trì).
- e) Các khoản chi phí thực tế hợp lý khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (nếu có) bao gồm:
 - Chi phí tài chính.
 - Chi phí xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật; chi phí lập quy trình vận hành;
 - Chi phí vớt rác tại bể hút trạm bơm, giải tỏa bèo rác, vật cản.
 - Chi phí cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.
 - Chi phí đo đạc, kiểm định đánh giá an toàn công trình.
 - Các chi hợp lý khác.

Trừ chi phí khấu hao (vì tính theo quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính) và chi phí sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn (lập dự án riêng) thì các khoản chi chưa tính trong bộ định mức đề nghị không quá 10% tổng chi phí trong giá thành sản phẩm dịch vụ thủy lợi hàng năm.

Khi áp dụng định mức để tính giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi hàng năm của Công ty Hòa Bình sẽ lựa chọn tỷ lệ thích hợp để xác định phương án giá. Khi triển khai sử dụng chi cho các khoản chi không thường xuyên phải lập đề cương, dự toán trình cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 2/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

4. Khi tính giá các loại sản phẩm dịch vụ, đối với các khoản chi chung phải thực hiện như sau:

- Khoản chi phí điện năng, chi phí vật tư nguyên nhiên liệu để bảo dưỡng máy móc thiết bị, chi phí bảo trì, chi phí quản lý doanh nghiệp phải dụng định mức để xác định tổng khoản chi.

LuatVietnam

- Phân bổ khoản chi chung cho các sản phẩm dịch vụ thủy lợi để tính giá theo tỷ lệ doanh thu của năm trước liền kề để phân bổ./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH